**PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG**

**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ HẠN CHẾ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG**

**ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

(*Kèm theo công văn số /BKHĐT-PC ngày tháng 9 năm 2020*

*của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*)

1. **Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài**

 1.1. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 28/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã đề ra chủ trương xây dựng cụ thể danh mục hạn chế, không thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp với các cam kết quốc tế; ngoài danh mục này, nhà đầu tư nước ngoài được đối xử bình đẳng như nhà đầu tư trong nước.

 1.2. Điều 9 Luật Đầu tư năm 2020 đã thể chế chủ trương nêu trên theo hướng quy định nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, trừ*:* (i) các ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường; (ii) các ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài bao gồm: (i) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; (ii) hình thức đầu tư; (iii) phạm vi hoạt động đầu tư; (iv) năng lực của nhà đầu tư, đối tác tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; (v) điều kiện khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Căn cứ quy định nêu trên, Chính phủ công bố Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời quy định chi tiết Điều 9 Luật Đầu tư 2020 về các điều kiện, nguyên tắc áp dụng Danh mục này.

 **2. Căn cứ xây dựng Danh mục:**

*2.1. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các điều ước quốc tế về đầu tư gồm:*

 - Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA);

 - Hiệp định tự do hóa, khuyến khích và bảo hộ đầu tư Việt Nam – Nhật Bản (BIT Việt Nam - Nhật Bản);

 - Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á – Âu (FTA Việt Nam - EAEU);

 - Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);

 - Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA);

 - Biểu cam kết cụ thể về thương mại dịch vụ của Việt Nam trong WTO.

*2.2. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ.*

*2.3. Điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước và thu hút đầu tư nước ngoài trong từng thời kỳ.*

**3. Kết cấu và đối tượng áp dụng Danh mục:**

*3.1. Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài* được phân thành 02 Danh mục:

- Danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường, gồm: (i) các ngành, nghề mà pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về đầu tư không cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh; (ii) các ngành, nghề có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; (iii) các ngành, nghề độc quyền nhà nước.

- Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện gồm những ngành, nghề mà điều ước quốc tế về đầu tư và pháp luật Việt Nam có quy định phân biệt đối xử về điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Ngoài các ngành, nghề quy định tại 02 Danh mục nêu trên, nhà đầu tư nước ngoài được quyền tiếp cận thị trường theo các điều kiện như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

 *3.2. Đối tượng áp dụng của Danh mục* là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được quy định tại Điều 23 Luật Đầu tư. gồm:

 - Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

 - Tổ chức kinh tế theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

 a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

 b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

 c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

 3.3. Hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư của Việt Nam theo các điều ước quốc tế, gồm:

 **4.** **Nguyên tắc áp dụng Danh mục:**

4.1. Trừ những ngành, nghề thuộc Danh mục quy định tại Danh mục này, nhà đầu tư nước ngoài được quyền tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

 4.2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư thuộc các ngành, nghề khác nhau quy định tại Danh mục phải đáp ứng toàn bộ điều kiện tiếp cận thị trường đối với các ngành, nghề đó.

###  4.3. Đối với những ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết đối xử quốc gia theo Điều ước quốc tế về đầu tư và pháp luật Việt Nam không có quy định phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

 4.4. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế mà điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư đó theo điều ước quốc tế về đầu tư hoặc pháp luật Việt Nam có quy định thuận lợi hơn thì nhà đầu tư được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường theo điều ước quốc tế đó.

4.5. Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về điều kiện tiếp cận thị trường đối với một ngành, nghề quy định tại Danh mục thì được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện theo một trong các điều ước đó, trừ trường hợp các điều ước quốc tế có liên quan có quy định khác. Trường hợp đã lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường theo một điều ước quốc tế về đầu tư thì nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của điều ước quốc tế đó.

4.6. Đối với các hoạt động đầu tư thực hiện tại Việt Nam, nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định áp dụng đối với nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài. Trong trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài không được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài.

DỰ THẢO QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

**Mục 3**

**NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

 **Điều........Ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài**

1. Ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và hạn chế đối với ngành, nghề đó được quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế về đầu tư.

2. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng theo các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư.

 3. Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài được công bố tại Phụ lục 1 của Nghị định này.

 **Điều........Đối tượng áp dụng Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài**

 1. Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

 a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

 b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

 c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

 2. Đối với các hoạt động đầu tư thực hiện tại Việt Nam, nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định áp dụng đối với nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài.

 3. Trong trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài không được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài.

 **Điều.......Nguyên tắc áp dụng Danh mục nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài**

1. Trừ những ngành, nghề thuộc Danh mục quy định tại Khoản 3 Điều....Nghị định này, nhà đầu tư nước ngoài được quyền tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

 2. Đối với những ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia theo Điều ước quốc tế về đầu tư và pháp luật Việt Nam không có quy định về phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

 3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư thuộc các ngành, nghề khác nhau quy định tại Danh mục phải đáp ứng toàn bộ điều kiện tiếp cận thị trường đối với các ngành, nghề đó.

 4. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của điều ước quốc tế mà điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư đó theo điều ước quốc tế về đầu tư hoặc pháp luật Việt Nam có quy định thuận lợi hơn thì nhà đầu tư được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường theo điều ước quốc tế đó.

 5. Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về điều kiện tiếp cận thị trường đối với một ngành, nghề quy định tại Danh mục thì được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện theo một trong các điều ước đó, trừ trường hợp các điều ước quốc tế có liên quan có quy định khác. Trường hợp đã lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường theo một điều ước quốc tế về đầu tư thì nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của điều ước quốc tế đó.

 **Điều 13. Xây dựng, đăng tải, cập nhật, sửa đổi, bổ sung Danh mục nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, tập hợp, xây dựng Danh mục theo quy định tại Khoản 3 Điều.......Nghị định này để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Danh mục được đăng tải theo quy định tại Khoản 1 Điều này gồm những nội dung sau đây:

a) Ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Phụ lục 1 của Nghị định này;

b) Căn cứ áp dụng hạn chế tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều.....của Nghị định này;

c) Những hạn chế về điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư.

3. Những nội dung đăng tải theo quy định tại Khoản 2 Điều này được cập nhật, sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài có sự thay đổi theo quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế về đầu tư.

 4. Việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung Danh mục được thực hiện theo quy định tương ứng đối với Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại các Điều........của Nghị định này.

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ HẠN CHẾ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG**

**ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

 **I. NGÀNH, NGHỀ CHƯA ĐƯỢC TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

1. Kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại;
2. Hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức;
3. Đánh bắt hoặc khai thác hải sản;
4. Dịch vụ điều tra và an ninh;
5. Các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên;
6. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
7. Kinh doanh nghĩa trang, công viên nghĩa trang;
8. Dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận) (CPC 86402);
9. Dịch vụ nổ mìn;
10. Dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải;
11. Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

 **II. NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

1. Sản xuất và phân phối các sản phẩm văn hóa, bao gồm các bản ghi hình;
2. Sản xuất, phân phối, và chiếu các chương trình ti vi và các tác phẩm điện ảnh;
3. Phát thanh và truyền hình;
4. Bảo hiểm, ngân hàng, môi giới, kinh doanh chứng khoán, tiền tệ và các dịch vụ có liên quan khác;
5. Dịch vụ viễn thông;
6. Dịch vụ quảng cáo;
7. Dịch vụ in, dịch vụ phát hành xuất bản phẩm;
8. Trắc địa và bản đồ;
9. Dịch vụ giáo dục;
10. Thăm dò, khai thác và chế biến tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, dầu và khí;
11. Thủy điện và năng lượng hạt nhân;
12. Vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường sắt, đường hàng không, đường bộ, đường sông, đường biển, đường ống;
13. Nuôi trồng thủy sản;
14. Lâm nghiệp và săn bắn;
15. Kinh doanh đặt cược, casino;
16. Dịch vụ liên quan đến sở hữu công nghiệp
17. Dịch vụ bảo vệ
18. Sản xuất vật liệu hoặc thiết bị quân sự;
19. Vận hành và quản lý cảng sông, cảng biển và sân bay;
20. Kinh doanh bất động sản
21. Dịch vụ pháp lý;
22. Dịch vụ thú y;
23. Dịch vụ phân phối;
24. Dịch vụ kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
25. Dịch vụ du lịch;
26. Dịch vụ sức khỏe và dịch vụ xã hội;
27. Dịch vụ thể thao và giải trí;
28. Sản xuất giấy;
29. Sản xuất phương tiện vận tải trên 29 chỗ;
30. Phát triển và vận hành chợ truyền thống;
31. Sàn giao dịch hàng hóa;
32. Dịch vụ thu gom hàng lẻ ở nội địa
33. Dịch vụ kiểm toán, kế toán, sổ sách kế toán và thuế;
34. Dịch vụ thẩm định giá, Dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
35. Dịch vụ liên quan đến nông, lâm, ngư nghiệp;
36. Sản xuất, chế tạo máy bay;
37. Sản xuất, chế tạo đầu máy và toa xe đường sắt;
38. Sản xuất thuốc lá ;
39. Các ngành, lĩnh vực kinh doanh mới chưa thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam tại thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành.